TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 58/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 14/7/2023
V/v: *Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Lê Thị Thủy

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Công Quyền

Bà Nguyễn Thị Hương

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Dương Xuân Tú, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện VKSND tỉnh Thanh Hoá tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Thị Thanh Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 39/2023/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 5 năm 2023, về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày12/6/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 35/2023/QĐST-HNGĐ ngày 27/6/2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Hùng Thị T1, sinh năm: 1995, vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn B, xã X, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

2. Bị đơn: Anh Vi Văn T2, sinh năm: 1994, vắng mặt.

Nơi ĐKHKTT: Thôn T, xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

Nơi ở hiện nay: Đài Loan.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 18/4/2023, bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn là chị Hùng Thị T1 trình bày:

1. Về hôn nhân: Chị và anh Vi Văn T2 kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 13/5/2014 tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

Sau khi kết hôn, vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, vợ chồng chị đã được gia đình dàn xếp nhưng không có kết quả. Tháng 6/2022, anh T2 đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan, vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay, không ai quan tâm đến ai. Từ khi

anh T2 đi xuất khẩu không liên lạc với chị nên chị không biết địa chỉ nơi ở và nơi làm việc cụ thể của anh T2 bên Đài Loan.

Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Vi Văn T2.

2. Về con: Anh chị có 01 con chung là cháu Vi Văn T3, sinh ngày 24/5/2012. Ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cháu T3, không yêu cầu anh T2 cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

3. Về tài sản, công nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Chị T1 trình bày không biết địa chỉ cụ thể của Vi Văn T2 tại Đài Loan nên không thể cung cấp cho Tòa án. Anh T2 vẫn thường xuyên liên lạc với mẹ đẻ là bà Quách Thị H, địa chỉ thôn T, xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa. Đề nghị Tòa án tiến hành thu thập thêm thông tin của anh T2 từ bà Quách Thị H.

Tại các biên bản lấy lời khai, bà Quách Thị H trình bày:

Bà là mẹ đẻ của anh Vi Văn T2. Chị Hùng Thị T1 là vợ anh T2 và là con dâu của bà. Năm 2014, anh T2 và chị T1 kết hôn với nhau. Sau khi kết hôn vợ chồng anh T2 hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung. Đến tháng 6 năm 2022, anh T2 đi Đài Loan làm ăn, bà không biết địa chỉ cụ thể của anh T2 ở Đài Loan nên không thể cung cấp cho Tòa án nhưng bà vẫn thường xuyên liên lạc với anh T2 nên bà đồng ý nhận các văn bản của Tòa án và có trách nhiệm thông báo cho anh T2. Chị T1 có đơn đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn anh T2, bà cũng biết sự việc. Bà thông tin cho anh T2 về việc chị T1 xin ly hôn thì anh T2 cũng đồng ý ly hôn. Vợ chồng anh T2, chị T1 có một con chung là cháu Vi Văn T3, sinh ngày 24/5/2012. Ly hôn chị T1 có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cháu T3, bà và anh T2 cũng đồng ý. Vợ chồng anh T2, chị T1 không có tài sản và công nợ chung.

Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa tại phiên tòa:

- Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của chị Hùng Thị T1, xử cho chị T1 được ly hôn anh T2. Về con: Giao cháu Vi Văn T3, sinh ngày 24/5/2012 cho chị T1 trực tiếp nuôi dưỡng, anh T2 không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Căn cứ các Điều 56; 81; 82; 83 Luật Hôn nhân gia đình. Chị T1 phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà, ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Về thẩm quyền của Tòa án:

Chị Hùng Thị T1 là nguyên đơn đang cư trú tại tỉnh Thanh Hóa, bị đơn là Vi Văn T2 đăng ký hộ khẩu tại huyện N, tỉnh Thanh Hóa nhưng hiện nay đang sinh sống tại Đài Loan. Do trong vụ án có bị đơn cư trú ở nước ngoài. Căn cứ

khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

[1.2]. Về việc tống đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn:

Chị T1 chỉ cung cấp được địa chỉ nơi cư trú cuối cùng của anh T2 ở Việt Nam nhưng không cung cấp được địa chỉ của anh T2 tại nước ngoài. Tòa án đã yêu cầu đến lần thứ hai nhưng bà Quách Thị H là mẹ đẻ của anh T2 trình bày không biết địa chỉ của anh T2 ở Đài Loan. Tuy anh T2 thường xuyên liên lạc với gia đình nhưng cố tình không cung cấp địa chỉ của anh hiện nay ở nước ngoài. Bà H vẫn thường xuyên liên lạc với anh T2 nên đã nhận các văn bản tố tụng để thông báo cho anh T2. Vì vậy, Tòa án giải quyết vụ án theo thủ tục bị đơn cố tình giấu địa chỉ.

[1.3]. Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Hùng Thị T1 có đơn xin xử vắng mặt; bị đơn là anh Vi Văn T2 mặc dù đã được Tòa án tống đạt văn bản tố tụng qua người thân đến lần thứ hai nhưng vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt các đương sự.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về hôn nhân: Chị Hùng Thị T1 và anh Vi Văn T2 kết hôn trên cơ sở tự nguyện; có đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền nên là hôn nhân hợp pháp.

Trong lời khai, các tài liệu gửi đến Tòa án, chị T1 đều trình bày vợ chồng chị mâu thuẫn nhiều năm nay, không còn quan tâm đến nhau, vợ chồng sống ly thân từ tháng 6 năm 2022 đến nay. Do mâu thuẫn vợ chồng anh chị đã không liên hệ với nhau, chị T1 không có địa chỉ của anh T2 tại Đài Loan nên không cung cấp địa chỉ của anh T2 tại Đài Loan cho Tòa án được. Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa chị T1 và anh T2 đã lâm vào tình trạng trầm trọng, vợ chồng ly thân đã lâu, không ai quan tâm đến ai, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ Điều 51; Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận cho chị T1 được ly hôn anh T2.

[2.2]. Về con: Anh chị có 01 con chung là cháu Vi Văn T3, sinh ngày 24/5/2012. Cháu T3 đang ở với chị T1. Chị T1 có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con. Mặt khác, nguyện vọng của cháu T3 xin được ở với mẹ. Xét thấy nguyện vọng của chị T1 xin được trực tiếp nuôi con là chính đáng vì hiện nay anh T2 đang lao động tại Đài Loan không thể trực tiếp nuôi con được. Do đó để đảm bảo quyền lợi mọi mặt cho cháu, cần giao cháu cháu T3 cho chị T1 trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Chị T1 tự nguyện không yêu cầu anh T2 cấp dưỡng tiền nuôi con, xét thấy đây là sự tự nguyện của chị T1 nên chấp nhận. Căn cứ Điều 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.3]. Về tài sản, công nợ chung: Chị T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử không xét. Anh T2 không có văn bản thể hiện quan điểm giải quyết về tài sản chung, công nợ chung nên sau này nếu anh T2 yêu cầu thì có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết bằng vụ án khác.

[3]. Về án phí: Chị T1 là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí chị T1 đã nộp.

[4]. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; khoản 1 Điều 37; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 4 Điều 147; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình. Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Hùng Thị T1.

- Về hôn nhân: Cho chị Hùng Thị T1 được ly hôn anh Vi Văn T2.

- Về con: Công nhận cháu Vi Văn T3, sinh ngày 24/5/2012 là con chung của chị Hùng Thị T1 và anh Vi Văn T2. Giao cháu T3 cho chị T1 trực tiếp nuôi dưỡng. Anh T2 không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Anh Vi Văn T2 có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở.

- Về tài sản: Không yêu cầu, Tòa án không giải quyết.

2. Về án phí: Chị Hùng Thị T1 phải chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng án phí chị T1 đã nộp theo Biên lai thu số 0000404 ngày 11/5/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa.

3. Quyền kháng cáo:

Chị Hùng Thị T1, anh Vi Văn T2 có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Thanh Hoá (P9);
- Cục THADS tỉnh Thanh Hóa;
- UBND xã Xuân Du, huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hóa;
- Các đương sự;
- Tổ HC-TP; - Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Tòa GĐ & NCTN.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Thủy